

【資料A】

ベトナム ホーチミン  
アライバルカード（別送品申告書）について

ベトナムへお引越し荷物を輸入するにあたり、アライバルカード（別送品申告書）の記入・提出が必要となっております。アライバルゲート（預け荷物を受け取るターンテーブルがある場所）を出た後は、原則再取得は出来ませんので、**必ずアライバルゲートを出る前**に必ずご記入・ご提出をお願いいたします。

【ご用意いただく書類】

- ・パスポート（日本でお荷物を発送した名義のもの）
- ・「アライバルカード（別送品申告書）について」 案内資料（本資料）

1

入国審査  
Immigration



パスポートを審査官に提示。  
ベトナム入国のスタンプを受領。

2

ターンテーブル  
Baggage Claim



ターンテーブルで預け荷物を受領。

3

税関  
Customs

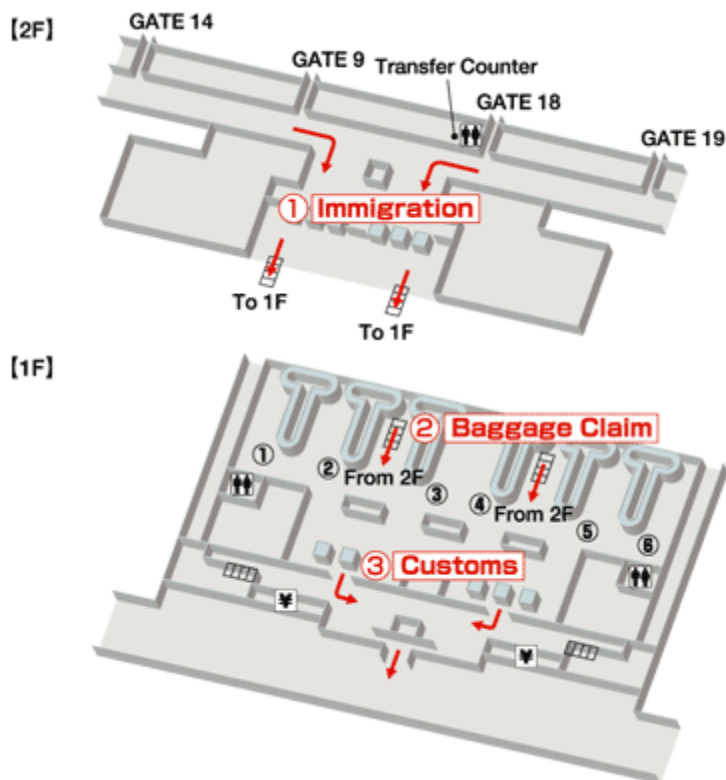


**重要！**

アライバルゲートを出る前、  
荷物検査場の手前にある税関のカウンターにて  
アライバルカードを記入、提出。  
確認印が押された半券を受領。  
ヤマタネ ホーチミン事務所より  
連絡があるまでお客様にて保管。

税関カウンターの場所、アライバルカードの書き方は次のページへ。

## 【税関カウンター場所】



- ① 入国審査を終えた後、エスカレーターで1階へ向かいます。
- ② ターンテーブルで預け荷物を受け取ります。
- ③ 手荷物検査のスキャン機械がある横に、小さなカウンターがありますので、職員に声をかけてアライバルカードを入手します。

入手の際、うまく伝わらずもらえなかった場合、下記のメッセージを見せて入手してください

**※税関職員から不要と言われたとしても、お荷物の通関時にアライバルカードの提出が必須となっております。必ずご提出ください。**

**※便ごとにカードの提出が必要ですので、航空便と船便の両方をご利用の場合、2枚取得してください。**

カードの配布は無料で行われておりますため、金銭の授受は発生いたしません。

### 船便もしくは航空便 1便のみご利用の場合

Tôi có hành lý gửi bằng đường biển/hàng không, cho nên tôi cần lấy Tờ khai Hải quan, có đóng dấu xác nhận của Hải quan để làm thủ tục hải quan cho lô hàng của tôi. Xin cảm ơn!

I have unaccompanied shipment by SEA/AIR, so I need to get the Vietnam Customs Declaration card, with confirmation/ stamp from Custom Officer, for customs clearance of my shipment. Thank you !

### 船便と航空便 2便ご利用の場合

Tôi có hành lý gửi bằng đường biển và đường hàng không, cho nên tôi cần lấy 02 tờ khai Hải quan, có đóng dấu xác nhận của Hải quan để làm thủ tục hải quan cho lô hàng của tôi. Xin cảm ơn!

I have unaccompanied shipments by SEA and AIR, so I need to get 2 Vietnam Customs Declaration card, with confirmation/ stamp from Custom Officer, for customs clearance of my shipment. Thank you !

### 【アライバルカードの書き方】

アライバルカードは、下記のような白い長方形のカードです。

下記の例を参考に、裏面に必要事項をご記入ください。

(2017年7月時点)

渡航時のお手荷物の個数をご記入ください。

ビザもしくはワークパーミットの有効期間をご記入ください。

日本からの引越し荷物郵送便数をご記入ください。

**便ごとにカードの提出が必要ですので、船便／航空便両方をご利用の場合、2枚取得して下さい。**

船便／航空便両方：02 船便もしくは航空便のみ：01

その下に船便と航空便の便数をご記入ください。

※税関職員によって、2枚要求しても1枚しかもらえない場合もあります。その場合はひとまず1枚だけご記入頂きますようお願いいたします。

※税関職員によって、便数ではなく引越し荷物の個数を記載するよう指示してくる場合もあります。その場合は指示に従って個数をご記入下さい。

AA 0211403		AA 0211403	
1. Họ và tên trong hộ chiếu (chữ in hoa) /Full name as appears in passport (please fill in block letters): Y A M A T A N E T A R O		1. Họ và tên trong hộ chiếu (chữ in hoa)/Full name as appears in passport (please fill in block letters): Y A M A T A N E T A R O	
2. Giới tính/Sex: Nam/Male x Nữ/Female		2. Giới tính/Sex: Nam/Male x Nữ/Female	
3. Sinh ngày/Date of birth: Ngày/Date tháng/month năm/year 2 8 1 0 1 9 8 8		3. Sinh ngày/Date of birth: Ngày/Date tháng/month năm/year 2 8 1 0 1 9 8 8	
4. Quốc tịch/Nationality: J A P A N		4. Quốc tịch/Nationality: J A P A N	
5. Số hộ chiếu/Passport No: Y T 0 1 2 3 4 5 6		5. Số hộ chiếu/Passport No: Y T 0 1 2 3 4 5 6	
6. Số chuyến bay/Tên tàu/Biển số xe (Flight/Vessel/Car No.): V N 6 0 4		6. Số chuyến bay/Tên tàu/Biển số xe (Flight/Vessel/Car No.): V N 6 0 4	
7. Ngày/Date: 14./10./20.16.. (DD/MM/YY) Khách ký tên/ Signature: 山種 太郎		7. Thời gian lưu trú/Duration of stay: 3 M O N T H S	
8. Hải quan xác nhận /Certification by Customs:  税関担当記入欄。ご記入不要です。		8. Hành lý mang theo/ Accompanied baggage 0 2 kiện, túi/ pieces	
9. Hàng hóa tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập/ Temporary import, re-export goods or temporary export, re-import goods:		9. Hành lý không cùng chuyến/ Unaccompanied baggage Có/Yes x Không/No	
10. Hàng hóa phải nộp thuế/Goods subject to duty:		10. Hàng hóa tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập/ Temporary import, re-export goods or temporary export, re-import goods: Có/Yes x Không/No	
12. Lượng tiền mang theo/ Carry on cash: Trị giá/ Amount:		11. Hàng hóa phải nộp thuế/Goods subject to duty: Có/Yes x Không/No	
- Đồng Việt Nam / VND: - Đô la Mỹ/USD: - Ngoại tệ khác/ other foreign currencies (GBP, EUR)		13. Kim loại quý, đá quý mang theo (trừ vàng)/ Bringing precious metals, gemstone (other than gold): Kim loại quý: Bạc, bạch kim/ Precious metals: Silver, platinum:	
13. Kim loại quý, đá quý mang theo (trừ vàng)/ Bringing precious metals, gemstone (other than gold): Kim loại quý: Bạc, bạch kim/ Precious metals: Silver, platinum:		13. Kim loại quý, đá quý mang theo (trừ vàng)/ Bringing precious metals, gemstone (other than gold): Kim loại quý: Bạc, bạch kim/ Precious metals: Silver, platinum:	
14. Vàng trang sức, mỹ nghệ/ Gold jewelry, art gold: Trọng lượng/ Gross weight: .....gram.		14. Vàng trang sức, mỹ nghệ/ Gold jewelry, art gold: Trọng lượng/ Gross weight: .....gram.	
Ngày/Date: 14./10./20.16.. (DD/MM/YY) Khách ký tên/ Signature: 山種 太郎		Ngày/Date: 14./10./20.16.. (DD/MM/YY) Khách ký tên/ Signature: 山種 太郎	

Yesにチェックしてください。

課税対象品がある場合のみ、Yesにチェックしてください。

※申告に該当する条件は次のページをご参照ください。

※お引越し荷物では、課税対象品はお取り扱いが出来ませんので、ご注意ください。

◆下記に該当する方は、申告書の右側下欄に該当品目と量をご記入ください。

- (1) \$5,000USD 相当の外貨もしくは1,500万ベトナムドンを超える額を持ち込む場合。
- (2) 3億ベトナムドン相当(約150万円)以上の為替、小切手、貴金属(シルバー、プラチナ、シルバーかプラチナを含む合金)、宝石(ダイヤモンド、ルビー、サファイア、エメラルド)を持ち込む場合。
- (3) 300グラム以上の金製貴金属、装飾品を持ち込む場合。
- (4) 一時的にベトナムに持ち込み、持ち帰る品物/一時的にベトナムから持ち出し、持ち込む品物がある場合。
- (5) 課税品目を所持している場合。

酒類：22度以上の酒を1.5L以上、22度未満の酒を2L以上、ビールなどの酒類を3L以上

タバコ：200本 葉巻：100本 刻みタバコ：500g

その他の荷物：1,000万ベトナムドン相当を超える額のもの

- (6) \$5,000USD 以下もしくは同額の外貨を持ち込む方で、外貨持込証明書が必要な方。

AA 0211403

1. Họ và tên trong hộ chiếu (chữ in hoa)  
/Full name as appears in passport (please fill in block letters):

Y A M A T A N E

T A R O

2. Giới tính/Sex: Nam/Male × Nữ/Female

3. Sinh ngày/Date of birth:

Ngày/Date tháng/month năm/year

2 8 1 0 1 9 8 8

4. Quốc tịch/Nationality:

J A P A N

5. Số hộ chiếu/Passport No.:

Y T 0 1 2 3 4 5 6

6. Số chuyến bay/Tên tàu/Biển số xe (Flight/Vessel/Car No.):

V N 6 0 4

7. Ngày/Date: 14./10./20.16. (DD/MM/YY)

Khách ký tên/

Signature: 山種 太郎

記入終了後、税関職員にパスポートとアライバルカードを提示。  
その後、税関のスタンプが押されたカードの左側が、半券として  
お手元に戻ってきます。

**下部に税関のスタンプがあることを必ず確認してください。**

ヤマタネ ホーチミン事務所から配達に関する連絡があるまで、  
大切に保管しておいて下さい。

※アライバルカード(別送品申告書)には有効期限があります。

航空便：申告日から1ヶ月以内の通関

船便：申告日から3ヶ月以内の通関

以上の期間を超えると本申告書は無効になってしまいます。

お一人の名義で複数回お荷物を発送される場合は、

ご注意ください。

8. Hải quan xác nhận /Certification by Customs:  
Khách khai có 03 kiện hàng ký gửi không cần chuyển  
28/10/16  
9

お問い合わせはヤマタネ ホーチミン事務所まで

Asian Tigers Transpo International (Vietnam) Ltd.

Ho Chi Minh Office / Yamatane Division

Address: 9<sup>th</sup> floor, REE tower, 9 Doan Van Bo Street, Ward 12, District 4, Ho Chi Minh city, Vietnam

Tel : + 84 (0)28 3826 4224 Email : yamatane@asiantigers-vietnam.com

営業時間：平日8時～17時